"Trong sáu mươi niệm khoảnh[1] gọi là một la-da, ba mươi la-da gọi là ma-hầu-đa, trăm ma-hầu đa gọi là ưu-bà-ma. Nếu cung điện mặt trời mỗi năm có sáu tháng đi về phía Nam, mỗi ngày di chuyển ba mươi dặm, cực Nam không vượt qua khỏi Diêm-phù-đề; thời gian ấy, cung điện mặt trăng nửa năm đi về phía Nam, không vượt qua khỏi Diêm-phù-đề. Nguyệt Bắc hành cũng như vậy.

"Vì duyên gì mà cung điện mặt trăng khuyết giảm mỗi khi một ít? Có ba nhân duyên nên cung điện mặt trăng khuyết giảm mỗi khi một ít: Một, mặt trăng phát xuất từ phương góc, là duyên thứ nhất để mặt trăng tổn giảm. Lại nữa, trong cung điện mặt trăng có các đại thần đều mặc y phục màu xanh, theo thứ tự mà lên, trú xứ cũng trở thành xanh, cho nên mặt trăng bị tổn giảm; đó là duyên thứ hai để mặt trăng mỗi ngày mỗi giảm. Lại nữa, cung điện mặt trời có sáu mươi tia sáng, tia sáng này chiếu vào cung điện mặt trăng, ánh chiếu khiến cho không hiện, do đó nơi có ánh chiếu, nơi ấy của mặt trăng bị tổn giảm; đó là duyên thứ ba để ánh sáng mặt trăng tổn giảm.

"Lại nữa, vì duyên gì mà ánh sáng cung điện mặt trăng đầy dần? Có ba nhân duyên khiến cho ánh sáng mặt trăng đầy dần. Những gì là ba? Một, mặt trăng hướng về phương vị chánh cho nên ánh sáng mặt trăng đầy. Hai, các thần cung điện mặt trăng hết thảy đều mặt y phục màu xanh và Nguyệt thiên tử vào ngày rằm ngồi vào giữa, cùng nhau hưởng lạc, ánh sáng chiếu khắp, lấn át ánh sáng chư Thiên, nên ánh sáng đầy khắp. Giống như bó đuốc lớn được đốt lên trong đám đèn đuốc, sẽ át hẳn ánh sáng các ngọn đèn. Nguyệt thiên tử cũng lại như vậy. Vào ngày rằm, ở giữa chúng chư Thiên, át hẳn tất cả các ánh sáng khác, chỉ có ánh sáng của ông độc chiếu, cũng như vậy. Đó là duyên thứ hai. Ba, Nhật thiên tử tuy đã có sáu mươi tia sáng chiếu soi cung điện mặt trăng, nhưng trong vào ngày rằm, Nguyệt thiên tử cũng có thể dùng ánh sáng chiếu nghịch lại, khiến cho nó không thể che khuất được. Đó là ba nhân duyên cho cung điện mặt trăng tròn đầy mà không bị tổn giảm.

"Lại nữa vì duyên gì mà mặt trăng có bóng đen? Vì cái bóng cây Diêm-phù in vào trong mặt trăng, nên mặt trăng có bóng."

Phật bảo Tỳ-kheo:

---

[1]. Xem các cht. 370-373.

"Tâm hãy như mặt trăng, trong mát không nóng bức, khi đến nhà đàn-việt[2], chuyên niệm không tán loạn.

"Lại vì duyên gì mà có các sông ngòi? Vì mặt trời mặt trăng có độ nóng. Do độ nóng này mà có nung đốt. Do có nung đốt nên có mồ hôi. Do mồ hôi mà thành sông ngòi. Do đó thế gian có sông ngòi.

"Vì nhân duyên gì mà thế gian có năm loại hạt giống? Có cuồng phong dữ từ thế giới chưa bị hủy diệt thổi hạt giống đến sanh ở quốc độ này. Một là hạt từ rễ; hai, hạt từ cọng; ba, hạt từ đốt; bốn, hạt từ ruột rỗng; năm, hạt từ hạt. Đó là năm loại hạt. Vì nhân duyên này mà thế gian có năm loại hạt giống xuất hiện.

"Lúc ở Diêm-phù-đề đang là giữa trưa thì ở Phất-vu-đãi mặt trời lặn. Ở Câu-da-ni mặt trời mọc, ở Uất-đơn-viết là nửa đêm. Câu-da-ni giữa trưa thì ở Diêm-phù-đề mặt trời lặn. Uất-đơn-viết mặt trời mọc, ở Phất-vu-đãi là nửa đêm; ở Uất-đơn-viết giữa trưa thì ở Câu-da-ni mặt trời lặn; ở Phất-vu-đãi mặt trời mọc, thì Diêm-phù-đề là nửa đêm. Nếu ở Phất-vu-đãi là giữa trưa, thì ở Uất-đơn-viết mặt trời lặn; ở Diêm-phù-đề mặt trời mọc, thì ở Câu-da-ni là nửa đêm. Phương Đông của Diêm-phù-đề, thì là phương Tây ở Phất-vu-đãi; phương Tây của Diêm-phù-đề là phương Đông của Câu-da-ni; phương Tây của Câu-da-ni là phương Đông của Uất-đơn-viết; phương Tây của Uất-đơn-viết là phương Đông của Phất-vu-đãi.

"Diêm-phù-đề[3], sở dĩ được gọi là Diêm-phù vì ở dưới có núi vàng cao ba mươi do-tuần, do cây Diêm-phù[4] sanh ra nên được gọi là vàng Diêm-phù[5]. Cây Diêm-phù có trái của nó như tai nấm[6], vị của nó như mật; cây có năm góc[7] lớn, bốn mặt bốn góc, ở trên có một góc. Những

---

2. Đàn-việt 檀越, phiên âm của Skt., Pāli: dāna-pati, Hán dịch: thí chủ 施主.

3. Diêm-phù-đề 閻浮提; Skt.: Jambudvīpa, Pāli: Jambudīpa. Các bản TNM: Diêm-phù-địa 閻浮地.

4. Diêm-phù-thọ 閻浮樹; Skt., Pāli: jambu, tên loại cây lớn ở Ấn Độ, tên khoa học: Eugenia jambolana.

5. Diêm-phù kim, noùi đủ: Diêm-phù-đàn kim 閻浮檀金 (Skt.: Jambonada-suvarna; Pāli: Jambonada-suvaṇṇa), thuù vàng xuaát xuù từ caùt của con sông chảy qua rừng cây Jambu.

6. Tẩm 蕈; TNM: đan 簞.

7. Cô 孤; TNM: 觚.

trái ở bên góc phía Đông của nó được Càn-thát-bà[8] ăn. Trái ở góc phía Nam của nó được người bảy nước ăn. Bảy nước[9] là: một, nước Câu-lâu; hai, Câu-la-ba; ba, Tỳ-đề; bốn, Thiện-tỳ-đề; năm, Mạn-đà; sáu, Bà-la; bảy, Bà-lệ. Trái ở góc phía Tây được hải trùng[10] ăn. Trái ở góc phía Bắc được cầm thú ăn. Trái ở phía góc trên được Tinh tú thiên ăn. Phía Bắc của bảy nước lớn có bảy hòn núi đen lớn[11], một là Lõa thổ, hai là Bạch hạc, ba là Thủ cung, bốn là Tiên sơn, năm là Cao sơn, sáu là Thiền sơn, bảy là Thổ sơn. Trên mặt của bảy núi đen này có bảy vị Tiên nhơn Bà-la-môn. Trú xứ của bảy Tiên nhơn[12] này, một là Thiện đế, hai là Thiện quang, ba là Thủ cung, bốn là Tiên nhơn, năm là Hộ cung, sáu là Già-na-na, bảy là Tăng ích."

Phật bảo Tỳ-kheo[13]:

"Khi kiếp sơ[14], chúng sanh sau khi nếm vị đất, rồi tồn tại một thời gian lâu dài. Những ai ăn nhiều, nhan sắc trở nên thô kệch, khô héo. Những ai ăn ít, nhan sắc tươi sáng, mịn màng. Từ đó về sau mới phân biệt nhan sắc tướng mạo của chúng sanh có hơn có kém và sinh ra thị phi với nhau, nói rằng: 'Ta hơn ngươi; ngươi không bằng ta.' Do tâm của chúng phân biệt kia và ta, ôm lòng cạnh tranh, cho nên vị đất tiêu hết. Sau đó sinh ra một loại da đất[15], hình dáng giống như cái bánh mỏng; màu sắc, hương vị của nó rất là thanh khiết. Bấy giờ chúng sanh tụ tập lại một chỗ, tất cả đều áo não buồn khóc, đấm ngực mà nói: 'Ối chao là tai họa! Vị đất nay bỗng biến mất.' Giống như hiện nay người được đầy ắp vị ngon, bảo là ngon lành, nhưng sau đó lại bị mất đi nên

---

8. Càn-thát-bà 乾闥婆; Pāli: Gandhabba, Skt.: Gandharva.

9. Bảy nươùc: 1. Câu-lâu 拘樓; 2. Câu-la-bà 拘羅婆; 3. Tỳ-đề 毗提; 4. Thiện-tỳ-đề 善毗提; 5. Mạn-đà 漫陀; 6. Bà-la 婆羅; 7. Bà-lê 婆梨.

10. Hải trùng 海蟲, loài sâu biển (?).

11. Bảy Hắc sơn 黑山: 1. Lõa thổ 裸土; 2. Bạch hạc 白鶴; 3. Thủ cung 守宮; 4. Tiên sơn 仙山; 5. Cao sơn 高山; 6. Thiền sơn 禪山; 7. Thổ sơn 土山.

12. Thất tiên nhân trú xứ 七仙人住處: 1. Thiện đế 善帝; 2. Thiện quang 善光; 3. Thủ cung 守宮; 4. Tiên nhân 仙人; 5. Hộ cung 護宮; 6. Già-na-na 伽那那; 7. Tăng ích 增益.

13. Từ đây trở xuống, tham chiếu kinh số 5 "Tiểu Duyên".

14. Kiếp sơ 劫初, thời kỳ nguyên thủy; Pāli: aggañña; Skt.: kalpāgra.

15. Hán: địa bì 地皮; ở trên, kinh số 5 "Tiểu Duyên": địa phì 地肥. Huyeàn Traùng: ñòa bì bính 地皮餅; Chân Đế: địa bì càn 地皮乾; Pāli: bhūmipappaṭaka; Skt.: phthivīparpaṭaka. Xem cht.17, kinh số 5 "Tiểu Duyên".

lấy làm buồn lo. Kia cũng như vậy buồn lo hối tiếc. Sau đó, chúng ăn lớp da đất, dần quen cái vị của nó. Những ai ăn nhiều thì nhan sắc trở thành thô kệch khô héo. Những ai ăn ít thì nhan sắc tươi sáng mịn màng. Từ đó mới phân biệt nhan sắc tướng mạo của chúng sanh có xấu có đẹp và sinh chuyện thị phi với nhau, nói rằng: 'Ta hơn ngươi. Ngươi không bằng ta.' Do tâm chúng phân biệt kia và ta, ôm lòng cạnh tranh, nên nấm đất cạn tiêu hết.

"Sau đó lại xuất hiện một loại da ngoài của đất[16], càng lúc càng dày thêm, màu của nó như thiên hoa[17], mềm mại của nó như thiên y, vị của nó như mật. Bấy giờ, các chúng sanh lại lấy nó cùng ăn, sống lâu ngày ở thế gian. Những ai càng ăn nhiều thì nhan sắc càng sút kém. Những ai ăn ít thì nhan sắc tươi sáng mịn màng. Từ đó phân biệt nhan sắc tướng mạo của chúng sanh có xấu có đẹp và do thế mà sinh chuyện thị phi với nhau rằng: 'Ta hơn ngươi. Ngươi không bằng ta.' Vì tâm chúng phân biệt ta và người, sinh lòng cạnh tranh, nên lớp da ngoài của đất tiêu hết.

"Sau đó, lại xuất hiện loại lúa tẻ[18] mọc tự nhiên, không có vỏ trấu[19], không cần phải gia thêm chế biến mà chúng đã đầy đủ các thứ mỹ vị. Bấy giờ, chúng sanh tụ tập nhau lại nói: 'Ối chao là tai họa! Nay màng đất bỗng nhiên biến mất.' Giống như hiện tại người gặp họa gặp nạn thì than rằng: 'Khổ thay!' Bấy giờ chúng sanh áo não, buồn than, cũng lại như vậy.

"Sau đó, chúng sanh cùng nhau lấy lúa tẻ tự nhiên này ăn và thân thể chúng, trở nên thô xấu, có hình dáng nam nữ, nhìn ngắm nhau, sinh ra dục tưởng; họ cùng nhau tìm nơi vắng làm hành vi bất tịnh, các chúng sanh khác thấy than rằng: 'Ôi, việc làm này quấy! Tại sao chúng sanh cùng nhau sinh ra chuyện này?' Người nam làm việc bất tịnh kia, khi bị người khác quở trách, tự hối hận mà nói rằng: 'Tôi đã làm quấy.'Rồi nó gieo mình xuống đất. Người nữ kia thấy người nam này vì hối lỗi mà gieo mình xuống đất, không đứng lên, liền đưa thức

---

16. Hán: địa phu 地膚; Huyền Tráng, Chân Đế: lâm đằng 林藤, dây leo rừng; Pāli: badālatā; Skt.: vanalatā.

17. Thiên hoa 天華.

18. Hán: canh mễ 粳米; Huyền tráng: hương đạo 香稻; Chân Đế: xá-lỵ (lợi) 舍利; Skt.: śāli, Pāli: sāli. Xem cht. 18, kinh số 5 "Tiểu duyên".

19. Haùn: khang khoaùi 糠穊; Pāli: kaṇa-thusa.

ăn đến. Chúng sanh khác thấy vậy, hỏi người nữ rằng: 'Ngươi đem thức ăn này để cho ai?' Đáp: 'Chúng sanh hối lỗi kia đọa lạc[20] thành kẻ làm điều bất thiện, tôi đưa thức ăn cho nó.' Nhân lời nói này, nên thế gian liền có danh từ 'người chồng bất thiện'[21] và vì việc đưa cơm cho chồng nên được gọi là vợ[22].

"Sau đó, chúng sanh bèn làm chuyện dâm dật, pháp bất thiện tăng. Để tự che giấu, chúng tạo ra nhà cửa. Do vì nhân duyên này, bắt đầu có danh từ 'nhà'[23].

"Sau đó, sự dâm dật của chúng sanh càng ngày càng tăng, nhân đây đã trở thành chồng vợ. Có các chúng sanh khác, khi tuổi thọ hết, hành hết, phước hết, từ cõi trời Quang âm sau khi mạng chung lại sinh vào thế gian này, ở trong thai mẹ, nhân đây thế gian có danh từ 'mang thai'[24].

"Bấy giờ, trước tiên tạo thành Chiêm-bà, kế đến tạo thành Già-thi, Ba-la-nại và tiếp theo là thành Vương xá[25]. Lúc mặt trời mọc thì bắt đầu kiến tạo, tức thì lúc mặt trời mọc hoàn thành[26]. Do nhân duyên này nên thế gian liền có tên thành, quách, quận, ấp, là chỗ nhà vua cai trị.

"Bấy giờ, khi chúng sanh bắt đầu ăn lúa tẻ mọc tự nhiên, sáng sớm gặt thì chiều tối lại chín, chiều tối gặt thì sáng sớm lại chín. Sau khi được gặt, lúa sinh trở lại, hoàn toàn không có thân cuống lúa.

"Rồi thì, có chúng sanh thầm nghĩ rằng: 'Sao ta mỗi ngày mỗi gặt chi cho mệt nhọc? Nay hãy gom lấy đủ cho nhiều ngày.' Nó bèn gặt gộp lại, chứa số lương đủ cho nhiều ngày. Người khác sau đó gọi nó: 'Nay chúng ta hãy cùng đi lấy lúa.' Người này bèn trả lời: 'Tôi đã chứa đủ sẵn rồi, không cần lấy thêm nữa. Anh muốn lấy, cứ tùy ý đi lấy một

---

20. Hán: đọa 墮; Pāli: patti, nghĩa đen: té, đọa lạc; chuyển thành nghĩa: tội lỗi.

21. Hán: phu chủ bất thiện 夫主不善. Định nghĩa danh từ chồng (Hán: phu chủ); Pāli: pati (người chồng), coi như đồng âm với patti, do gốc động từ PAD: rơi, té, đọa lạc.

22. Nguồn gốc của danh từ vợ; bhariyā (vợ), do động từ bharati: mang cho.

23. Nguồn gốc của từ Pāli: gaha (nhà), do gūhati: che dấu.

24. Hán: xử thai 處胎; Pāli: gabba.

25. Caùc thành: Chiêm-bà 瞻婆; Pāli: Campā; Già-thi 伽尸; Pāli: Kāsi; Bà-la-nại 婆羅奈; Pāli: Bārāòasì; Vương xá 王舍; Pāli: Rājagaha.

26. Có lẽ xác định ngữ nguyên của nagara, thành trì hay đô thị, là do Naga: mặt trời.

mình.' Người kia bèn nghĩ thầm: 'Gã này có thể lấy đủ lương cho hai ngày, sao ta không thể lấy đủ cho ba ngày?' Người ấy bèn chứa dư ba ngày lương. Lại có những người khác gọi nó: 'Hãy cùng đi lấy lương.' Nó liền đáp: 'Ta đã lấy dư ba ngày lương rồi. Các người muốn lấy, tùy ý đi mà lấy.' Các người kia bèn nghĩ: 'Người kia có thể lấy ba ngày lương, sao ta không thể lấy năm ngày lương?' Rồi chúng lấy năm ngày lương. Bấy giờ, chúng sanh tranh nhau cất chứa lương dư, nên lúa tẻ ấy bèn sanh ra vỏ trấu; sau khi được gặt, không mọc trở lại nữa; chỉ còn trơ cọng khô mà thôi.

"Bấy giờ chúng sanh tụ tập lại một chỗ, áo não buồn khóc, đấm ngực than: 'Ôi, đây là một tai họa!' và tự thương trách rằng: 'Chúng ta vốn đều do biến hóa mà sinh, ăn bằng niệm, tự thân phát ánh sáng, có thần túc bay trên không, an vui không ngại. Sau đó vị đất bắt đầu sinh ra, sắc vị đầy đủ. Khi ấy chúng ta nếm thử vị đất này, rồi tồn tại lâu trong đời này. Những ai ăn nhiều thì nhan sắc trở thành thô xấu. Những ai ăn nó ít thì nhan sắc tươi sáng, mịn màng; từ đó tâm chúng sanh có phân biệt ta và người, sinh tâm kiêu mạn, bảo rằng: 'Sắc ta hơn. Sắc ngươi không bằng.' Do kiêu mạn, tranh nhau sắc, nên vị đất tiêu diệt. Lại sanh ra lớp da đất, có đầy đủ sắc hương vị. Chúng ta lúc ấy cùng thu lấy để ăn, tồn tại lâu dài ở thế gian. Những ai ăn nhiều thì da sắc trở thành thô xấu. Những ai ăn ít đi thì da sắc tươi sáng mịn màng, từ đó có phân biệt ta và người, sinh tâm kiêu mạn bảo rằng: 'Sắc ta hơn, sắc ngươi không bằng.' Vì tranh nhau về sắc mà kiêu mạn nên lớp da đất biến mất và xuất hiện lớp da ngoài của đất, càng lúc càng dày lên, đủ cả sắc, hương, mùi vị. Chúng ta khi ấy lại cùng nhau thu lấy ăn, tồn tại dài ở thế gian. Những ai ăn nhiều thì sắc da trở thành thô xấu. Những ai ăn ít thì sắc da tươi sáng mịn màng, từ đó có phân biệt ta và người, sinh tâm kiêu mạn bảo rằng: 'Sắc ta hơn, sắc ngươi không bằng.' Vì sắc tranh nhau mà kiêu mạn, nên lớp da ngoài của đất biến mất, để rồi sinh ra loại lúa tẻ mọc tự nhiên, đầy đủ sắc, hương, vị. Chúng ta lúc ấy lại cùng nhau thu lấy ăn, sớm mai thu hoạch buổi chiều lại chín, buổi chiều thu hoạch sáng mai lại chín, vì thu hoạch xong thì sinh trở lại nên không cần phải gom thu. Nhưng vì chúng ta lúc này tranh nhau tích lũy, nên lúa này sinh ra vỏ trấu và sau khi thu gặt xong không sinh trở lại nữa, mà hiện tại chỉ còn có rễ và thân mà thôi. Nay chúng ta hãy cùng nhau phân phối ruộng nhà, phân chia bờ cõi.'

"Rồi chúng phân chia ruộng đất, vạch bờ cõi khác nhau, phân biệt của người và của ta. Sau đó mọi người tự cất giấu lúa thóc của mình,

trộm lấy lúa ruộng người khác. Các chúng sanh khác trông thấy, nên nói: 'Việc ngươi làm là quấy! Việc ngươi làm là quấy! Tại sao cất giấu vật của chính mình, mà đi trộm tài vật của người?' Liền quở trách rằng: 'Từ nay về sau không được tái phạm việc trộm cắp nữa!' Nhưng những việc trộm cắp như vậy vẫn tái phạm không dứt, mọi người lại phải quở trách: 'Việc ngươi làm sai quấy! Tại sao không chịu bỏ?' Bèn lấy tay mà đánh, lôi đến giữa đám đông, báo cáo cùng mọi người rằng: 'Người này tự cất giấu thóc lúa, đi trộm lúa ruộng của người.' Người ăn trộm nói lại: 'Người kia đã đánh tôi.' Mọi người nghe xong, ấm ức rơi lệ, đấm ngực nói rằng: 'Thế gian trở nên xấu ác, nên đã sinh ra pháp ác này chăng?' Nhân đấy mà sinh ra ưu kết nhiệt não khổ báo; rằng: 'Đây là cội nguồn của của sinh, già, bệnh, chết; là nguyên nhân rơi vào đường ác. Do có ruộng nhà, bờ cõi riêng khác, nên sinh ra tranh giành kiện tụng, đưa đến oán thù, không ai có thể giải quyết. Nay chúng ta hãy lập lên một người chủ bình đẳng[27], để khéo léo giữ gìn nhơn dân, thưởng thiện phạt ác. Mọi người trong chúng ta đều cùng nhau giảm bớt phần của mình để cung cấp cho người chủ này.'

"Lúc đó, trong chúng có một người hình thể vạm vỡ, dung mạo đoan chánh, rất có oai đức. Mọi người bảo rằng: 'Nay, chúng tôi muốn tôn bạn lên làm chủ, để khéo léo giữ gìn nhơn dân, thưởng thiện phạt ác. Chúng tôi sẽ giảm bớt phần của mình mà cung cấp.' Người này nghe xong, liền nhận làm chủ. Ai đáng thưởng thì thưởng; ai đáng phạt thì phạt. Từ đây mới bắt đầu có danh từ dân chủ[28]. Dân chủ ban đầu có con tên là Trân Bảo[29]; Trân Bảo có con tên là Hảo Vị; Hảo Vị có con tên là Tĩnh Trai; Tĩnh Trai có con tên là Đảnh Sanh; Đảnh Sanh có con tên là Thiện Hành; Thiện Hành có con tên là Trạch Hành; Trạch Hành có con tên là Diệu Vị; Diệu Vị có con tên là Vị

---

27. Bình đẳng chủ 平等主, xem kinh số 5 "Tiểu Duyên" cht.20.

28. Xem kinh số 5 "Tiểu Duyên": bắt đầu có danh từ vương 王; Pāli: rāja.

29. Phả hệ dòng vua đầu tiên: Dân Chủ 民主, Trân Bảo 珍寶, Hảo Vị 好味, Tĩnh Trai 靜齋, Đảnh Sanh 頂生, Thiện Hành 善行, Trạch Hành 宅行. Diệu Vị 妙味, Vị Đế 味帝, Thủy Tiên 水仙, Bách Trí 百智, Thị Dục 嗜欲, Thiện Dục 善欲, Đoạn Kết 斷結, Đại Đoạn Kết 大斷結, Bảo Tạng 寶藏, Đại Bảo Tạng 大寶藏, Thiện Kiến 善見, Đại Thiện Kiến 大善見, Vô Ưu 無優, Châu Chử 洲渚, Thực Sanh 殖生, Nhạc Sơn 岳山, Thần Thiên 神天, Khiển Lực 遣力, Lao Xa 牢車, Thập Xa 十車, Bách Xa 百車, Lao Cung 牢弓, Bách Cung 百弓, Dưỡng Mục 養牧, Thiện Tư 善思.

Đế; Vị Đế có con tên là Thủy Tiên; Thủy Tiên có con tên là Bách Trí; Bách Trí có con tên là Thị Dục; Thị Dục có con tên là Thiện Dục; Thiện Dục có con tên là Đoạn Kết; Đoạn Kết có con tên là Đại Đoạn Kết; Đại Đoạn Kết có con tên là Bảo Tạng; Bảo Tạng có con tên là Đại Bảo Tạng; Đại Bảo Tạng có con tên là Thiện Kiến; Thiện Kiến có con tên là Đại Thiện Kiến; Đại Thiện Kiến có con tên là Vô Ưu; Vô Ưu có con tên là Châu Chử; Châu Chử có con tên là Thực Sanh; Thực Sanh có con tên là Sơn Nhạc; Sơn Nhạc có con tên là Thần Thiên; Thần Thiên có con tên là Khiển Lực; Khiển Lực có con tên là Lao Xa; Lao Xa có con tên là Thập Xa; Thập Xa có con tên là Bách Xa; Bách Xa có con tên là Lao Cung; Lao Cung có con tên là Bách Cung; Bách Cung có con tên là Dưỡng Mục; Dưỡng Mục có con tên là Thiện Tư.

"Từ Thiện Tư trở về sau có mười họ, Chuyển luân thánh vương nối tiếp nhau không dứt: Một tên là Già-nậu-thô, hai tên là Đa-la-bà, ba tên là A-diệp-ma, bốn tên là Trì-thí, năm tên là Già-lăng-già, sáu tên là Chiêm-bà, bảy tên là Câu-la-bà, tám tên là Bác-đồ-la, chín tên là Di-tư-la, mười tên là Thanh Ma.

"Giòng Vua Già-nậu-thô có năm vị Chuyển luân thánh vương. Giòng vua Đa-la-bà có năm vị Chuyển luân thánh vương. Giòng vua A-diếp-ma có bảy vị Chuyển luân thánh vương. Giòng vua Trì-thí có bảy vị vua Chuyển luân thánh vương. Giòng vua Già-lăng-già có chín vị vua Chuyển luân thánh vương. Giòng vua Chiêm-bà có mười bốn vị Chuyển luân thánh vương. Giòng vua Câu-la-bà có ba mươi mốt vị Chuyển luân thánh vương. Giòng vua Bát-xà-la có ba mươi hai vị Chuyển luân thánh vương. Giòng vua Di-tư-la có tám vạn bốn ngàn vị Chuyển luân thánh vương. Giòng vua Thanh Ma có một trăm lẻ một vị Chuyển luân thánh vương. Và vị vua cuối cùng có tên là Đại Thiện Sanh Tùng.

"Vua Thanh Ma[30] của giòng thứ mười có vương tử tên là Ô-la-bà. Vua Ô-la-bà có vương tử tên là Cừ-la-bà. Vua Cừ-la-bà có vương tử tên là Ni-cầu-la. Vua Ni-cầu-la có vương tử tên là Sư Tử Giáp. Vua Sư tử Giáp có vương tử tên là Bạch Tịnh vương[31]. Vua Bạch Tịnh vương có

30. Thanh Ma vương, xem kinh số 20: "A-ma-trú".

31. Bạch Tịnh vương 白淨王, hoặc dịch là Tịnh Phạn vương 淨飯王; Pāli: Sudhodana, vua nước Ca-tỳ-la-vệ (Pāli: Kapilavatthu), phụ vương của Đức Thích Tôn.

vương tử tên là Bồ-tát[32]. Bồ-tát có con tên là La-hầu-la. Do bản duyên này mà có tên gọi Sát-lỵ[33].

"Bấy giờ, có một chúng sanh suy nghĩ như vầy: 'Tất cả mọi sở hữu như gia đình, quyến thuộc, muôn vật ở thế gian đều là gai nhọn, ung nhọt, nay nên lìa bỏ, vào núi hành đạo, ở nơi vắng vẻ mà tư duy.' Rồi thì, người liền lìa bỏ gai nhọn là gia đình, vào núi, ở nơi vắng vẻ, ngồi dưới gốc cây mà tư duy, hằng ngày ra khỏi núi, vào thôn xóm mà khất thực. Mọi người trong thôn thấy vậy, càng cung kính cúng dường. Mọi người đều cùng khen ngợi rằng: 'Người này có thể lìa bỏ hệ lụy của gia đình để vào núi tìm đạo.' Vì người này có thể xa lìa được pháp ác bất thiện, nên nhân đó mà gọi là Bà-la-môn[34].

"Trong chúng Bà-la-môn có người không hành Thiền được, nên ra khỏi rừng núi, du hành trong nhân gian và tự nói: 'Ta không thể tọa thiền.' Nhân đó gọi là Vô Thiền Bà-la-môn[35]. Rồi đi qua các thôn xóm, nó làm pháp bất thiện, thi hành pháp độc, nhân đó tương sinh, nên được gọi đó là độc[36]. Do nhân duyên này mà có chủng tánh Bà-la-môn ở thế gian.

"Trong chúng sanh kia, chúng học tập các thứ nghề để tự mưu sống, nhân đây nên có chủng tánh Cư sĩ ở thế gian.

"Trong chúng sanh kia, chúng học tập các kỹ nghệ để tự nuôi sống, nhân đây mới có chủng tánh Thủ-đà-la ở thế gian.

"Trước đó trong thế gian đã có giòng họ Thích này xuất hiện rồi, sau đó mới có giòng Sa-môn. Trong giòng Sát-lỵ có người tự tư duy: 'Thế gian ân ái là ô uế, bất tịnh, đáng gì mà tham đắm?' Rồi người ấy lìa bỏ gia đình, cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục mà cầu đạo và nói: 'Ta là Sa-môn! Ta là Sa-môn!'

"Trong chủng tánh Bà-la-môn, chủng tánh Cư sĩ, chủng tánh Thủ-đà-la, có người suy nghĩ: 'Thế gian ân ái là ô uế, bất tịnh, đáng gì mà tham đắm?' Rồi người ấy lìa bỏ gia đình, cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục mà cầu đạo và nói: 'Ta là Sa-môn! Ta là Sa-môn!

---

32. Chỉ Đức Thích Tôn.

33. Ngữ nguyên của từ Sát-lỵ, xem cht.22, kinh số 5 "Tiểu Duyên".

34. Ngữ nguyên của từ Bà-la-môn, xem cht.23 kinh số 5 "Tiểu Duyên".

35. Vô thiền Bà-la-môn 無禪婆羅門, kinh Tiểu Duyên: Bất thiền Bà-la-môn; xem cht.24, kinh số 5 "Tiểu Duyên".

36. Hán: độc 毒.

"Nếu trong chúng Sát-lỵ, có người thân hành bất thiện, khẩu hành bất thiện, ý hành bất thiện; sau khi hành bất thiện rồi, thân hoại mạng chung nhất định sẽ phải thọ khổ. Hoặc có Bà-la-môn, Cư sĩ, Thủ-đà-la thân hành bất thiện, khẩu hành bất thiện, ý hành bất thiện; sau khi hành bất thiện rồi, thân hoại mạng chung nhất định sẽ phải thọ khổ.

"Chủng tánh Sát-lỵ thân hành thiện, khẩu hành thiện, ý hành thiện, khi thân hoại mạng chung nhất định sẽ thọ lạc. Bà-la-môn, Cư sĩ, Thủ-đà-la thân hành thiện, khẩu hành thiện, ý hành thiện, khi thân hoại mạng chung nhất định sẽ được thọ lạc.

"Thân của người Sát-lỵ thân có hai loại hành, miệng và ý cũng có hai loại hành. Sau khi thân, miệng và ý đã hành hai loại ấy rồi, thân hoại mạng chung nhất định sẽ thọ báo hoặc khổ hoặc lạc. Bà-la-môn, Cư sĩ, Thủ-đà-la, thân, miệng, ý có hai loại hành. Sau khi thân, miệng và ý đã hành hai loại này rồi, thân hoại mạng chung chắc chắn sẽ thọ báo hoặc khổ hoặc vui.

"Trong chúng Sát-lỵ, như có người cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia cầu đạo. Vị ấy tu tập bảy giác ý. Với tín tâm kiên cố vị ấy xuất gia hành đạo, tu phạm hạnh vô thượng, ngay trong đời này, tự thân tác chứng: 'Sự sanh của ta đã dứt, phạm hạnh đã vững, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'

"Ở trong chúng Bà-la-môn, Cư sĩ, Thủ-đà-la, có người cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia cầu đạo. Vị ấy tu tập bảy giác ý. Vị ấy do lòng tin kiên cố mà xuất gia hành đạo, tu phạm hạnh vô thượng, ở ngay trong đời này mà tự thân tác chứng: 'Sự sanh của ta đã dứt, phạm hạnh đã vững, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'

"Trong bốn chủng tánh này, đều có thể thành tựu Minh và Hành, chứng đắc A-la-hán, là đệ nhất tối thượng."

Bấy giờ, Phạm thiên liền nói kệ:

Thọ sanh, Sát-lỵ nhất,
Hay tập các chủng tánh.
Minh Hạnh thành đầy đủ,
Là nhất trong Trời, Người."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Phạm thiên kia nói bài kệ này rất hay, chứ không phải không

hay; là khéo lãnh thọ, chứ không phải không khéo lãnh thọ, được Ta ấn chứng. Vì sao? Vì Ta nay, là Như Lai, Chí Chân, là Đẳng Chánh Giác, cũng nói như bài kệ này:

"Sát-lỵ sanh là nhất,
Hay tập các chủng tánh,
Minh Hạnh thành đầy đủ,
Là nhất trong trời, người."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ thực hành.

Trường A-hàm hoàn tất.
Quy mạng Nhất thiết trí.
Tất cả chúng an vui.
Chúng sanh trú vô vi,
Tôi cũng ở trong đó.

❑